TRẦN VĂN QUẾ
Giáo Sư trường Quốc-Gia Sư-Phạm

CÔN - LÔN
SỬ LƯỢC

THANH - HƯƠNG TÙNG - THƯ
XUẤT BẢN

TRẦN - VĂN - QUẾ
Giáo - Sư

—

CÔN - LÔN
SỬ - LƯỢC

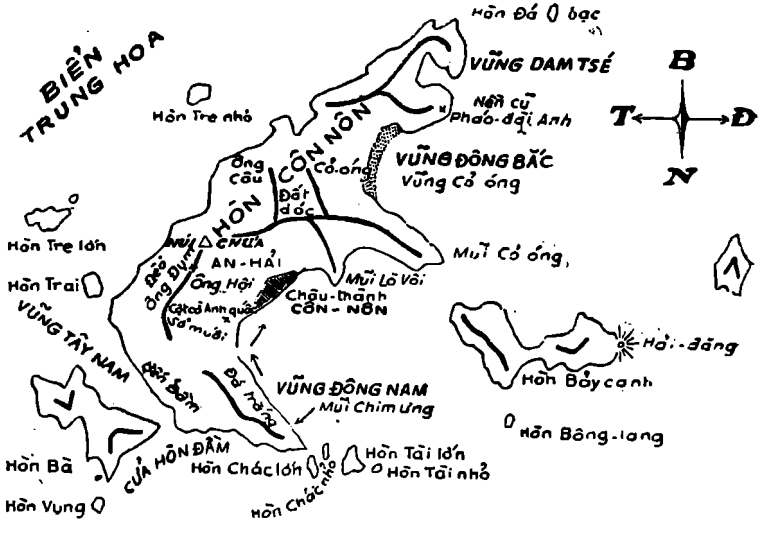

THANH - HƯƠNG TÙNG THƯ
— XUẤT - BẢN —

Lời nói đầu

Trong bất cứ quyển Việt-Sử nào khi nói đến Hòa-ước Versailles được ký kết năm 1787 giữa Pháp Hoàng Louis thập lục và chúa Nguyễn-Ánh do Đức Cha Bá-Đa-Lộc đại-diện, có khoản nói vua Annam nhường cho Pháp nhiều nơi trong đó có Quần-đảo Côn-Lôn hay là Côn-Nôn. Nhưng trong Hòa-ước 5-6-1862 lại không thấy nói đến quần-đảo ấy nữa.

Tại sao đảo Côn-Lôn hay là Côn-Nôn tượng-trưng cho toàn thể quần đảo tuy là không lớn hơn đảo Phú-Quốc, lại được Pháp-Quốc đặc biệt chú ý ?

Tại sao trong Hòa ước 5-6-1862 Triều-đình Huế nhượng cho Pháp ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường của Nam-Kỳ Lục-tỉnh mà không thấy nói đến Quần-đảo Côn-Lôn ?

Đó là những câu mà bất cứ một độc giả nào của quyển Việt-Sử đều tự hỏi.

Các thắc mắc ấy sẽ lần lượt được giải bầy trong quyển sách « Côn-Lôn Sử-Lược » này để giúp độc giả biết thêm những chi tiết của một giai đoạn lịch-sử nước nhà và đồng thời nhận thức rõ rệt tính cách quan trọng của Quần đảo Côn-Lôn về ba mặt : Chính-Trị, Quân-Sự và Kinh-Tế.

TÁC-GIẢ

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

CÔN - LÔN SỬ - LƯỢC

PHẦN THỨ I

TỔNG QUÁT

QUẦN đảo Côn Lôn hay là Côn Nôn hiện nay được đưa lên hàng các tỉnh của Nam phần Việt-Nam dưới danh-từ « Tỉnh Côn sơn ».

Tổng số diện tích tỉnh Côn-sơn đo được 7.728 mẫu tây. Quần đảo nằm trọn trong vùng nhiệt đới (Bắc Vĩ Tuyến 8°40'57" và Đông Kinh Tuyến 106°36'10") và gồm tất cả mười bốn đảo kể tên như sau, theo thứ tự lớn trước, nhỏ sau :

1) Hòn Côn Nôn hay Côn Lôn nằm trên Bắc vĩ-tuyến và Đông kinh-tuyến kể trên.
2) Hòn Bảy Cạnh.
3) Hòn Bà.
4) Hòn Cau.
5) Hòn Tre lớn.
6) Hòn Tài lớn.
7) Hòn Chác lớn.
8) Hòn Trai.
9) Hòn Tre nhỏ.
10) Hòn Bông lang.
11) Hòn Vung.
12) Hòn Tài nhỏ.
13) Hòn Chác nhỏ.
14) Hòn Đá bạc.

Hiện nay tại tỉnh lỵ Côn Sơn đã có sẵn các cơ quan Hành Chánh và các ngục thất được kể như sau :

Tòa Tỉnh Trưởng (Nha Giám-Đốc Côn-đảo trước kia) Sở Kho-bạc, Sở Công chánh, Nhà đèn, Sở Vô tuyến điện, Sở Bưu điện, Sở Y tế, một trường tiểu Học và bốn khám đường :

Banh I ; Banh II, Banh III, và Phụ sở của Banh III cùng những sở trồng trọt các nơi : Như Cỏ óng, Bến đầm, Hòn cau, Sở ruộng, Sở Chuồng bò, Lò gạch, Đất dốc v.v...

PHẦN THỨ II

QUẦN ĐẢO CÔN LÔN TRƯỚC NGÀY TRANH CHẤP GIỮA HAI CÔNG TY CÓ MẶT TẠI ẤN-ĐỘ LÀ : ĐÔNG-ẤN CÔNG TY THUỘC PHÁP VÀ ĐÔNG-ẤN CÔNG TY THUỘC ANH.

Từ lâu đời rồi, quần đảo Côn-Lôn đã được người Mã Lai đến viếng theo đường biển. Bằng chứng là cái tên Poulo-Condor do tiếng Mã Lai : Pulao Kundur mà ra. Poulo hay là Pulao có nghĩa là : cù-lao. Như ta đã thấy trên địa đồ miền Đông Nam Á thuộc vịnh Thái-Lan và Nam-Hải có nhiều hòn đảo có cái tên khởi sự bằng chữ Poulo : Như Poulo Pénang, Poulo Obi, Poulo Cévir de terre, Poulo Cécir de mer v. v... Kundur có nghĩa là bầu, bí (courges).

Theo tiếng Mã-Lai thì Pulao Kundur có nghĩa là Đảo bầu, Đảo bí (Ile des courges).

Nhưng có lẽ vì quần đảo này ở quá xa bán đảo Mã-Lai vả lại đất không rộng, không có hoa lợi gì đáng kể cho nên người Mã-Lai không có ý sinh cơ lập nghiệp nơi đó.

Giống người thứ nhì được biết quần đảo Côn-Lôn là người Trung-Hoa và cái tên Côn-Lôn đã được họ tặng cho quần đảo ấy, nhất là Hòn đảo chính (đảo

Côn Lôn hay là Côn Nôn với một diện tích là 5.152 mẫu tây). Trong thời kỳ ấy, quần đảo nói trên đã được bọn hải khấu (bọn giặc, bọn ăn cướp biển, bọn giặc Tàu Ô) toàn là người Trung-Hoa, phần đông là người ở đảo Hải-Nam (Hai-Nan) chọn làm sào huyệt.

Giống người thứ ba đã đến viếng và sau này chiếm luôn quần đảo là người Cao-Miên (Cambodge) là vì quần đảo này ở trong hải phận xứ Cựu Champa bị người Cao-Miên chiếm và gọi là Thủy Chân-Lạp (người Pháp gọi là Cochinchine do danh từ Cựu Champa hay Cựu Chiêm-Thành đọc trại).

Sau này Miên-hoàng nhường xứ Cựu Champa hay là Thủy Chân-Lạp lại cho Chúa Nguyễn thì người Việt-Nam mới chính thức ra chiếm quần đảo ấy.

Người Thái Tây trước nhất đã được biết đảo này vào năm 1294 là Marco Polo, người Ý sinh trưởng tại thành Venise.

Trước đó 25 năm Marco Polo và người chú ruột là Mateo Polo đồng vượt Địa Trung Hải sang miền Cận Đông (Asie Mineure) và từ đó do đường bộ đến kinh thành Bắc-Kinh thời bấy giờ được gọi là Cambalúc. Lúc đó toàn thể nước Tàu đều bị Nhà Nguyên (Mông-Cổ) chiếm trị. Nguyên chúa lúc bấy giờ là Thành Tổ Hốt Tất Liệt (Khoubilai Khan). Marco Polo có tài, được Nguyên Thành tổ trọng dụng và phong quan tước cho. Nhưng dù cùng được sống ở nước người, Marco Polo và chú là Mateo Polo sau một thời gian đâm ra nhớ quê cha đất tổ quá lẽ. Nhiều lần hai chú cháu đã bạo dạn xin cùng Nguyên chúa được hồi hương thì mỗi lần đều thấy Nguyên chúa không vui. Công việc mưu tính lại phải đình chỉ. Mãi đến năm thứ 25, hai chú cháu lại đánh liều thiết tha khẩn cầu một lần chót. Thấy chí hai vị đã quyết, Nguyên chúa biết không thể cầm giữ được, bèn phê cho,

nhưng với điều kiện là Marco Polo, một quan to trong Nguyên Triều, sẽ làm đầu phái đoàn hộ tống. Nguyên công chúa Cogatra vâng lệnh vua cha sang kết duyên với vua xứ Ba Tư (Perse), sau khi có sớ và lễ cầu hôn của vua nước này. Phái đoàn gồm 4.000 người đi trên 14 chiếc chiến thuyền to (thuyền buồm). Sau khi đã vượt biển ra khơi, đạo chiến thuyền đã đến viếng quần đảo Nhựt-Bổn mà thời ấy ông Marco Polo gọi là nước Zipangu. Rời khỏi hải phận xứ Zipangu, đạo chiến thuyền đã lần theo duyên hải Trung Hoa mà tiến xuống miền Nam. Theo lời ông Marco Polo thuật lại thì đạo chiến thuyền ấy đã đi ngang qua hải phận xứ Ciampa (xứ Champa gồm miền Nam Trung-Việt và Việt - Nam bấy giờ) và có ghé viếng xứ ấy. Sau đó đạo chiến thuyền đi lần xuống phía Nam và đi ngang qua quần đảo Côn-Lôn. Nơi đây đạo chiến thuyền bị một trận bão dữ dội làm đắm mất tám chiếc. Nhưng may thay Nguyên công-chúa và hai chú cháu Marco Polo và Mateo Polo không hề gì. Để kỷ niệm việc không may đã xảy ra cho phái đoàn, ông Marco Polo bèn tặng cho Côn Đảo cái tên là « Son dur » có ý nhắc lại rằng khi đạo chiến thuyền đi ngang qua đó, bão tố rất dữ dội, tiếng gió hút, tiếng sóng đập vào ghềnh, tiếng sấm sét át lấn tiếng người, làm điếc tai nhức óc.

Trận bão qua rồi, các chiến thuyền còn lại mới đến Tân-Gia-Ba, vượt eo biển Malacca (Mã-Lai) vào Ấn-Độ-Dương và sau cùng đến hải phận xứ Ba-Tư. Sau khi đã đại diện Nguyên-chúa dự lễ thành hôn của vua xứ Ba-Tư và Nguyên công-chúa thì Ông Marco Polo và người chú theo đường bộ xuyên qua miền Cận-Đông rồi đáp thuyền ở Địa-trung-hải mà về quê quán là thành Venise. Sau khi về đến nhà, Ông Marco Polo mới viết ra một quyển hành trình nhật ký thuật lại những việc mà ông đã tai nghe mắt thấy. Ông có thuật chuyện khi

đi xuyên qua xứ Tây-Tạng giữa miền núi non đầy tuyết, khách lữ hành có thể nghe trên không trung tiếng gọi tên tộc mình. Nếu người khách nói trên, rời bỏ hàng ngũ trong đàn để đi theo tiếng gọi thì sẽ bị lạc đường và chết mất trong tuyết. Ông lại nói, ở nhiều nơi đất đào lên đốt cháy được (than đá). Ông cũng nói, ở một nước nọ một vị vua đãi tiệc có đến 2.000 người khách và bát đĩa toàn là ngọc ngà, vàng bạc và ở một thị trấn nọ có đến 500 chiến thuyền to đậu tại bến. Thời buổi ấy quyển sách nói trên đã làm chấn động dư luận toàn thể Âu - Châu. Từ đó sắp sau có những đoàn thám hiểm vượt trùng dương sang Á-Châu để tìm xem những việc ly-kỳ ấy. Người ta kể : đoàn thám hiểm của Vasco de Gama người Bồ-Đào-Nha đã vượt Đại-Tây-Dương qua Hải-vọng-đốc (mũi cực nam của Phi-Châu) và tìm ra eo biển Mozambique giữa Phi-Châu và Mã-Đảo (Madagascar) ; đoàn thám hiểm của Albuquerque, người Bồ-Đào, lại đi xa hơn nữa, vượt qua Ấn-Độ-Dương đánh chiếm bán đảo Malacca và dựng lên thị trấn Goa trên đất Ấn-Độ ; đoàn thám hiểm thứ ba của Magellan, cũng người Bồ-Đào-Nha, vượt qua Đại-Tây-dương rồi do eo biển lấy tên là Magellan mà vào Thái-bình dương. Đến quần đảo Phi - Luật - Tân thì trong trận giặc chống với thổ dân, ông bị giết. Trước ba đoàn thám hiểm này, vào năm 1492 ông Christophe Colomb (Kha Luân Bố) đã vượt Đại-tây-dương tìm đường sang Ấn-Độ bằng cách đi về phía Tây và tìm ra Châu Mỹ.

Vào thế kỷ thứ 16, sau khi đã chiếm trị quần đảo Phi-Luật-Tân, đoàn người Tây-Ban-Nha có đến ở tại Côn đảo một thời gian, nhưng sau rồi lại bỏ mà đi. Năm 1861 khi người Pháp chiếm Côn đảo thì họ đã tìm thấy những đồng tiền bằng bạc phát hành năm 1521 tại nước Tây Ban Nha trên có tiêu tượng của Hoàng-Đế Charles Quint.

PHẦN THỨ III

SỰ TRANH CHẤP VỀ QUẦN ĐẢO CÔN-LÔN GIỮA HAI CÔNG TY THƯƠNG MẠI ANH VÀ PHÁP TẠI ẤN VÀ SAU NÀY GIỮA HAI NƯỚC ANH-CÁT-LỢI VÀ PHÁP.

Vào năm 1636, Đông Ấn Công Ty Pháp (Compagnie des Indes Orientales Francaises) có phái một nhân viên tên là Véret đi tìm một địa điểm để lập thương quán (Comptoir commercial) trong hải phận biển Trung-Hoa. Sau khi đã quan sát kỹ càng quần đảo Côn-Lôn, ông Véret có làm phúc trình về cho công-ty, lời lẽ như sau : « Cần phải làm cho các thương thuyền các xứ như Trung-Hoa, Đông-Kinh (Le Tonquin : Bắc Việt bây giờ) cựu Champa (Cochinchine : Nam Việt bây giờ) các nơi như Áo Môn (Ma-Cao) Ma Ni (Manille) v. v... nhìn nhận rằng : nếu muốn đến buôn bán với Ấn-Độ, thì họ phải ghé qua đảo Côn Lôn vì là nơi rất gần với Ấn-Độ. Lại nữa, các thương thuyền thuộc các nước như Anh-Cát-Lợi và Hòa-Lan, nếu muốn vào biển Trung-Quốc thì phải đi ngang qua đảo ấy, khi đi cũng như khi về. Sự làm chủ lối kinh-quá này (passage) sẽ có nhiều thắng lợi không kém chi sự làm chủ hai eo biển thuộc quần đảo Nam-Dương và bán đảo Mã-Lai. Lại nữa còn phải kể đến nền thương mại của hai nước Chân Lạp (Cao Miên) và Ai Lao (Lào) là một việc đồ sộ to tát trong tương lai, bởi lý do sau đây : Ngoài những hóa vật mà cũng như ở Xiêm La hai nước ấy có, hai nước lại còn sản xuất vàng, cánh kiến trắng (an tức hương : benjoin) xạ hương (muse) các thứ hồng ngọc (rubis) gỗ tóc (bois d'aigle : gỗ thơm) v.v... nghĩa là nhiều hóa vật quí giá. Ông Véret kết luận là : « Phải chiếm ngay đảo Côn-Lôn ».

Không rõ Đông Ấn Công Ty Anh-Cát-Lợi (East India Company) có được biết rõ tờ phúc trình ấy hay không? Hay là họ tự điều tra lấy mà biết? Và sau, sự thực là vào năm 1702 Đông Ấn Công Ty Anh-Cát-Lợi phái người đến chiếm Côn Đảo và xây một pháo đài trên ấy (trên vùng Cỏ óng) Vị Giám đốc Công ty nói trên lúc bấy giờ là Allen Cathpole. Ông này đã bổn thân đến Côn-đảo và ra nhiều chỉ thị cho một thương gia tên là Daniel Doughty tuân hành. Ông sau này điều khiển các công việc của Công ty tại đảo cho đến khi viên trung úy hải quân Anh, quản lý thực thụ công việc tại đảo đến nhận chức. Sau khi các công việc tại đảo đã đâu vào đấy rồi thì viên giám đốc Allen Cathpole bèn trở về điều khiển đại lý (Factorie) ở Chusan.

Năm ấy, đại lý nói trên bị công ty Anh hạ lệnh đóng cửa. Ông Allen Cathpole bèn bổn thân đến điều khiển các công việc tại Côn đảo. Nơi đây người Anh có thuê người Macassars thổ dân của đảo Célèbes giúp việc trong thời hạn là ba năm và sung họ vào đạo quân canh giữ pháo đài tại đảo. Nhưng mãn hạn ba năm mà người Macassars không được đưa về nguyên quán, nên họ rất căm hờn. Một đêm nọ họ bèn nổi loạn và giết sạch những người Âu-châu có mặt tại đảo, ngoại trừ hai người Anh Pound và Salomon Sloyd trốn thoát là vì nhờ đêm ấy họ ở ngoài pháo đài. Hai người này bèn dùng một chiếc thuyền con, vượt biển và trải qua biết bao gian lao mới tấp vào bờ biển phía nam của bán đảo Mã Lai thuộc địa phận Vương Quốc Yohore. Từ đây chi điếm của Đông Ấn Công Ty Anh trên Côn đảo bị hoàn toàn tan vỡ. Trước thất bại chua cay nói trên, sau hai mươi năm cố gắng, Đông Ấn Công Ty Anh không còn nghĩ đến sự tái lập chi điếm ấy nữa và cũng không lai vãng đến Côn đảo nữa.

Vào năm 1721 Đông Ấn Công Ty Pháp cho rằng: « Đã đến lúc thuận tiện cho sự nghiên cứu lại vấn đề lập

một thương điếm ở Côn đảo » và phái một nhân viên tên là Renault đến quan sát tình hình Côn đảo.

Không đồng ý với ông Véret, quan sát viên Renault bèn làm một tờ phúc trình ngày 25-7-1723 đệ lên cho Đông-Ấn công ty Pháp, trong ấy ông cho biết rằng : « Đảo Côn-Lôn rất nghèo không có nguyên liệu gì, dân tộc lại ít, khí hậu lại độc không hợp với người Âu-Châu, và nơi đây người Âu không thể sống và làm việc được ».

Ông ấy lại đưa ra bằng chứng sau đây : « Sau khi bị thất bại tại Côn-đảo người Anh không có ý định trở lại đảo nữa. Chi điếm của họ bị sụp đổ và không được tái lập lại nữa ».

Nền cũ pháo đài của chi điếm Anh, theo ông Demariaux, thì ở phía Bắc vùng Cỏ óng, vì ông này nói đã tìm ra di tích nền ấy (tàn tích của một lò đun đã vỡ, một ít mảnh đồ sứ vỡ ở trong bụi cây). Chính tại bãi Cỏ óng, mà người Anh đã gặp con vít to lớn có cả ngàn vít con theo sau.

Có người lại cho rằng : « Nền cũ của pháo đài này ở trên một đỉnh đồi tại Ông Hội, gần Châu thành Côn Nôn, ở một nơi mà người Pháp gọi là Mat des Anglais (cột cờ của người Anh) gần nơi ấy có ngôi mộ của người lính thủy Anh bị dân chúng làng An-Hải giết ».

Ông Renault lại quả quyết rằng : « Phải nhiều thì giờ lắm tiền bạc và nhân công mới thu lượm được một ít kết quả ». Theo ý ông thì nên bỏ chỗ ấy là hơn. Ông kết luận rằng : « Công-ty nên liệu xem huê lợi mà Công-ty sẽ thu được có thể tương đương với những khoản tiền bỏ ra để dựng chi điếm trong thời bình cũng như trong thời loạn không ? ».

Nhưng Đông Ấn Công-Ty Pháp đã cố gắng rất nhiều về việc này vì nhiều lý do khiến Công-ty không thể lui lại được nữa. Một trong các lý do ấy là thương quán của

Công-ty ở Quảng-Châu, cũng như thương quán của các liệt cường Âu Tây khác, đã gặp phải nhiều nỗi khó khăn. Đầu thế kỷ thứ 18, các thương gia Trung-Hoa đã tập trung xong nền ngoại thương của nước họ vào tay. Năm 1720 họ lập lên Nghiệp-Đoàn thương gia Hán-Tộc đóng vai trung gian tuyệt đối giữa ngoại quốc và Trung-Hoa trên thương trường Quảng-Châu. Lại nữa, các Sở thương chánh Trung-Hoa tại Quảng-Châu được lệnh kiểm soát chặt chẽ những thương gia Âu Tây đến thị trấn ấy. Các thương gia ấy lại bị quan Kinh-Lược ở Quảng Châu sách nhiễu quá nhiều và đòi ăn hối lộ. Vì lẽ ấy mà các thương gia nói trên nhất định tìm những nơi khác ngoài nước Trung-Hoa nhưng cũng trong phạm vi biển Trung Hoa để lập thương quán. Năm 1721 Đông Ấn công ty Pháp có ý định chiếm Côn-đảo và đã cho trước cái tên đảo ấy là Đảo Orléans để kỷ niệm thời kỳ nhiếp chánh của Hoàng đế d'Orléans. Nhưng công việc chỉ có trên giấy tờ và chỉ chờ đến năm 1752 mới định đem ra thực hành. Năm ấy vị giám-đốc trứ danh của Đông Ấn Công Ty Pháp là Dupleix, căn cứ vào những tài liệu của các cố đạo, biết rõ tình cảnh quan trọng của Côn đảo về mặt chính trị cũng như về mặt kinh tế và nhất định chiếm cứ. Một lần nữa quyết định ấy phải bị đình lại là vì Giám-Đốc Dupleix bị triệu về Ba-Lê (Paris) để trả lời những khoản tố cáo ông do Công-ty Đông-Ấn Anh đưa ra. Từ đó sắp sau, những vị giám-đốc qua Ấn thay thế ông đều thất bại trong việc tranh thủ quyền lợi với Đông Ấn Công-Ty Anh, nhất là trong cuộc chiến tranh 7 năm giữa Pháp và Anh.

Năm 1755 một thương gia và mại biện (Subrécargue) của các thương-thuyền Pháp tên là Protais-Leroux có đệ lên hầu tước De Machault, Thượng thơ Tài chánh Pháp thời bấy giờ, một kế hoạch trình bày những thắng lợi của một thương quán đặt tại Côn đảo, trước mặt

eo biển Malacca. Ông lại cho biết thêm những lý do chiến lược như sau : « Côn đảo sẽ giúp các chiến thuyền « Âu - Tây có nơi đồn trú trên con đường đi sang « Trung-Hoa. Nơi ấy, nhất là tại vũng phía Bắc, các « chiến thuyền có thể nghỉ ngơi suốt mùa đông để sơn « phết lại hoặc sửa chữa những phần hư hỏng với « những danh mộc có sẵn trên đảo. Lại nữa, vũng « phía Nam của đảo cũng có nhiều thắng lợi ».

Ông Protais Leroux nằn nì xin hầu tước De Machault lập thương quán tại Côn đảo, sớm chừng nào hay chừng nấy.

Nhưng tình hình tài chánh nước Pháp thời ấy rất thiếu hụt, nhất là sau trận chiến tranh 7 năm. Vì thế mà kế hoạch nói trên không thực-hiện được.

Sau một thời gian, người ta tìm thấy trong hồ sơ của Hội truyền giáo ở Ngoại Quốc của người Pháp một bức thư của cố-đạo Piguel đệ lên cho cơ quan này, trong ấy có đoạn như sau :

« Xứ Cao-Miên thường có điều phiền phức duy nhất « này là : người Cao-miên phải chiến đấu luôn với người « Nam-Kỳ (Cochinchine). Gác bỏ mối phiền phức ấy ra, « xứ này có nhiều thắng lợi và thực phẩm ở xứ ấy được « bán với một giá rất hạ. Để khỏi có điều phiền phức « trên, người ta không thể nào không khuyên Công-ty « thiết lập ngay mối bang giao thương mãi với nước Cao- « Miên. Miên hoàng có hứa nhiều khoản cho Công-ty « (Đông-Ấn Công-ty Pháp) nếu Công-ty muốn đến buôn « bán với nước ấy, như sự nhượng cho một nơi để lập « lên một đô thị, xây pháo đài và thương quán mà nơi « ấy Công-ty có thể mở một hải cảng cách cửa sông « Ba-Thắc độ một ngày đường là cùng, ngoài đảo Côn- « Lôn ra ».

Rốt cuộc, đề nghị ấy cũng không đi đến đâu.

PHẦN THỨ IV

QUẦN ĐẢO CÔN LÔN THUỘC VIỆT-NAM

Trước năm 1760 Thủy chân-lạp (Cochinchine) và quần đảo Côn Lôn thuộc quyền cai trị của vua Cao-Miên.

Năm Mậu Tý 1708, một vị cựu thần của nhà Minh tên là Mạc-Cửu được Chúa Nguyễn-Phúc-Chú (sau truy tôn là Hiến-Tôn Hiếu-Ninh Hoàng-Đế) phong cho chức Tổng-Binh và giao phó cho việc khai phá và cai trị đất Hà-Tiên. Từ đó trở đi người Việt dần dần đến Hà-Tiên buôn bán và đánh cá ở các hải-đảo thuộc Vịnh Xiêm-La, nhưng không xa Hà-Tiên lắm, như : Hòn Phú-Quốc, Hòn Tre, Hòn Ráy, Hòn Chong, Hòn Sóc, Hòn Đất, Hòn Da Quy (Đá-Bạc) và xa nữa là Hòn Côn-Nôn.

Năm 1760, xứ Thủy Chân-Lạp hoàn toàn thuộc Chúa Nguyễn và trong phạm vi xứ này, Côn đảo đã được chúa Nguyễn phái quan ra cai trị.

Năm 1773, vì trong xứ có giặc Tây-Sơn, chúa Nguyễn-Ánh thế cô phải vượt biển ra ẩn trú tại Côn đảo. Cùng đi với Chúa Nguyễn-Ánh có đức cha Bá-Đa-Lộc, nhiều vị trong Hoàng-thất, và một thiểu số bầy tôi trung tín. Hay tin ấy, nhà cầm quyền Tây Sơn, bèn phái có đến 500 chiến thuyền ra vây kín c n đảo không cho chúa Nguyễn trốn thoát. Tình tr g của chúa Nguyễn rất là nguy cấp.

Một đêm nọ tại đảo, phong ba bão tô nổi lên ầm ầm, trời đất tối đen đến nỗi hai người đứng gần nhau mà trông không rõ nhau, mưa như trút nước. Sấm sé vang tai. Thuyền Tây Sơn đắm vô số. Thừa cơ hội đó Chúa Nguyễn, đức cha Bá Đa Lộc và một ít người theo hầu bèn xuống thuyền con vượt vòng vây chạy thẳng về vịnh Xiêm La rồi sang Vọng Các.

Những người ở lại đảo bèn hiệp nhau lập lên làng

An-Hải và sinh cơ lập nghiệp ở đó với một số ít người Cao-Miên.

Hiện nay gần mé biển, trên bãi cát trước Ông Hội, cách châu thành Côn Nôn độ một cây số, có nhiều mảnh đồ sứ rất dày, màu xanh rất đẹp. Có lẽ là trước khi bôn tẩu chúa Nguyễn Ánh và sau đó Hoàng thất, vì không mang theo được các vật bằng sứ ấy nên đã cho đập vỡ.

Trong hồ sơ nói về đảo Côn Nôn có đoạn nói : Ngày 25 tháng 11 năm 1896 một phạm nhân tên Đặng Văn Tâm, trong khi đào móng xây tường Banh I (Bagne I) có đào được hai chum to : một chum đựng toàn ngân tiền, và một chum đựng toàn kim xuyến cực đẹp.

Sau người ta có tìm thấy trong một hang núi, những súng cò đá hỏa mai dưới thời vị giám đốc Côn đảo là ông Lambert.

Lại nữa, ở Hòn Cau người ta đã đào được mũ vàng và đai vàng.

CHƯƠNG THỨ V

NGƯỜI ANH ĐẾN ĐẢO CÔN LÔN LẦN THỨ NHÌ

Như trước kia đã nói, người Anh đã chiếm Côn-đảo năm 1702. Nhưng sau hai mươi năm cực nhọc thương điếm lập lên đã bị hủy hoại. Từ đó trở đi Đông Ấn Công Ty Anh không có ý định tái lập thương điếm ở Côn đảo nữa.

Sau đó mấy mươi năm, ngày 28 tháng 1 năm 1780 Đại-Úy Hải Quân Anh tên là Gore, người kế chí của đại úy Cook (nhà thám hiểm các miền Nam cực bị giết tại đảo Sandwich) cai quản đạo chiến thuyền gồm hai chiến hạm Adventure và Discovery đến viếng Côn đảo.

Thời bấy giờ quần đảo Côn Lôn thuộc quyền cai trị của quan Việt Nam và châu thành Côn Nôn thời buổi ấy chỉ có 30 nóc gia mà thôi, Đại Úy Gore lên bờ hỏi thăm các giá cả và mua các thực phẩm cần thiết cho quân lính. Quan trấn thủ Côn đảo (người theo đạo Công Giáo) cho biết rằng : mỗi con trâu giá bốn hay năm đồng bạc.

Trước khi mua xong các thực phẩm, Đại Úy Gore có tặng quan trấn thủ một ống kính thiên lý (lunette astronomique) và để lại một phong thư nhờ vị quan này trao cho đức cha Bá Đa Lộc.

PHẦN THỨ VI

ĐỨC CHA BÁ ĐA LỘC TRỞ LẠI ĐẢO CÔN LÔN

Sau khi đã cùng Chúa Nguyễn-Ánh sang Xiêm, đức cha Bá Đa Lộc được Chúa Nguyễn ủy thác việc sang Ba Lê cầu viện. Đức cha cùng đi với Hoàng Tử Cảnh mới có 5 tuổi, con cả của chúa Nguyễn Ánh.

Phái đoàn khởi hành vào đầu mùa đông năm 1784 mãi đến 1787 mới tới nơi.

« Ngày 28 tháng 10 năm 1787 một hòa ước hỗ « tương giữa Pháp-hoàng Lô-Y Thập lục và Chúa Nguyễn « Ánh do đức cha Bá Đa Lộc thảo ra đã được ký « tại đền Versailles. Pháp-Hoàng hứa giúp cho Chúa « Nguyễn bốn chiếc tàu chiến, 1200 lục quân 200 pháo binh « 250 Hắc Binh (Cafres) người Phi Châu và đủ các thứ « súng ống thuốc đạn. »

« Đổi lại Nguyễn Vương (Chúa Nguyễn Ánh) phải « nhường đứt cho Pháp cửa Hội An (Failfo) và đảo Côn « Lôn đồng thời phải để cho người Pháp ra vào buôn bán « tự do trong nước, ngoại giả không cho người nước « nào ở Âu Châu sang buôn bán ở nước Nam nữa ».

Pháp-hoàng giao cho hầu tước De Conway tổng trấn thành Pondichery thuộc Pháp trên đất Ấn, việc phái binh-thuyền qua giúp Nguyễn - Vương đúng theo tinh thần hòa - ước trên. Thời bấy giờ triều-đình Pháp gặp lắm nỗi khó khăn như : Kho tàng hết sạch sau khi đã giúp 13 cựu thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ nổi lên chống Anh và tuyên bố độc-lập ; trong nước lòng dân đã xoay chiều và chuẩn bị cuộc đại cách mạng năm 1789.

Lại nữa ở Bồn-địa-chị-lý (Pondichery) hầu tước De Conway vì bất hòa với đức cha Bá Đa Lộc nên đã làm sớ tâu lên Pháp Hoàng đại đề như sau : « Sự đem binh cứu viện Nguyễn - Vương là việc rất khó, và không ích lợi gì ». Vì cớ ấy mà hòa ước Versailles nói trên không được đem ra thi hành.

Thấy hầu tước De Conway không chịu xuất binh thuyền tiếp viện Nguyễn-Vương, đức cha Bá-Đa-Lộc bèn tự mình dứng lên mộ lính, mua chiến thuyền và súng ống để đem sang giúp Nguyễn-Vương.

Đến tháng 9 năm 1788 chiến thuyền Dryade đưa lên đảo Côn Lôn 1000 cây súng tay. Vài tháng sau chiến thuyền La Garonne chở đến Côn Đảo mấy khẩu đại bác. Hai khẩu trong số ấy, cho đến năm 1945 vẫn còn được trưng bầy hai bên cửa tiền của tư đinh vị Giám đốc Côn đảo.

Các khí giới và binh khí nói trên, trong một thời gian ngắn đã được đem ra xử dụng trên lục địa Nam Kỳ và sau đó không còn người Pháp nào ở tại Đảo.

PHẦN THỨ VII

NGƯỜI ANH LẠI ĐẾN CÔN ĐẢO LẦN THỨ BA

Ngày 18 tháng 5 năm 1793, Huân-tước Macartney sứ thần Anh tại Triều đình Mãn Thanh (Trung Hoa) nhân dịp vâng chiếu chỉ của Anh Hoàng Georges III sang yết kiến

vua Kiền Long có ghé Côn đảo để xem coi có người Pháp ở tại đảo này không ?

Phái đoàn đi trên hai chiến thuyền là Lion và Industan. Khi hai chiến thuyền cập bến thì có một số thủy thủ lên bờ hỏi mua một ít thực phẩm, Dân chúng làng Côn Nôn hứa ngày hôm sau sẽ đem bán đủ các thứ.

Nhưng ngày hôm sau đoàn thủy thủ nói trên trở lại thì họ lấy làm ngạc nhiên mà trông thấy rằng : làng Côn Nôn vắng tanh không một bóng người ! Cửa các ngôi nhà đều mở rộng. Đồ vật trong nhà còn y nguyên, không một vật gì bị mang đi, trừ những khí giới mà chính đoàn thủy thủ đã trông thấy bữa trước. Gà vịt vẫn còn ở lại và đương ăn quây quần trước sân. Tại một vài nhà, đoàn thủy thủ có gặp một mảnh giấy trên có ghi mấy hàng chữ Hán, được phiên dịch ra như sau :

« Dân chúng tôi rất ít người và rất nghèo, nhưng « tính tình ngay thật, không thể làm điều quấy ác được.

« Chúng tôi rất sợ hãi khi trông thấy những chiến « thuyền to tướng và những người uy-phong, hùng mạnh « như quí ngài, và chúng tôi lại càng sợ hãi thêm lên « vì chúng tôi không thể cung cấp cho các ngài số gà « vịt và thực phẩm mà các ngài đã đòi hỏi.

« Chúng tôi có rất ít các thứ ấy và không thể làm « được những điều mà các quí ngài đòi hỏi ở chúng tôi.

« Vì sợ bị đánh đập và muốn bảo tồn tánh mạng, « chúng tôi đã quyết định trốn lánh. Chúng tôi van xin « dân tộc hùng cường thương hại chúng tôi. Chúng tôi « đã để tại làng tất cả những vật thuộc quyền sở hữu « của chúng tôi. Chúng tôi chỉ yêu cầu các ngài đừng « đốt nhà chúng tôi. Chúng tôi lạy trăm lạy dưới chân « dân tộc hùng cường ! »

Mấy hàng chữ trong thư nói trên cho biết rằng : Dân chúng ở Côn đảo đã nhiều phen được người ngoại quốc đến viếng và hành hạ họ quá mức cho nên trong thư mới có lời lẽ van xin, lạy lục, quỵ lụy như thế.

Đọc xong bức thư, người Anh chẳng những không đả động đến một vật gì trong các ngôi nhà ấy mà còn để lại món quà tặng kẻ đàn anh của dân chúng với bức thư viết bằng chữ Hán như sau :

« Những chiến thuyền đến viếng qui đảo và những « người đi trên ấy toàn là người Anh-Cát-Lợi. Chúng tôi « ghé đảo để mua một ít món ăn giải khát và không có « ác ý gì. Nước của chúng tôi là một nước văn-minh và « và được Trời ban cho những nguyên tắc nhân đạo. Những « nguyên tắc ấy không cho phép chúng tôi cướp bóc ai. »

Dù sao, tựa hồ như người Anh không được may mắn tại Côn-đảo. Trong khi họ kéo neo lên để trương buồm nhắm Trung-Hoa trực chỉ thì cái máy trục neo (cabestan) bị tan vỡ. Mỏ neo vừa được kéo lên nửa chừng lại bị rơi xuống biển một cách mạnh mẽ cho đến nỗi mấy thanh sắt to của máy trục văng ra tứ tung giết hại một số lục quân và hải quân hiện đứng trên boong tàu (pont) ! Vài phút sau thì boong tàu đầy rẫy người bị thương và xác chết.

Tai nạn bất ngờ ấy làm cho viên quan chỉ huy đạo chiến thuyền lật đật rời khỏi Côn đảo, bỏ lại dưới biển mỏ neo chiến thuyền Industan giữa cơn sóng to gió lớn.

PHẦN THỨ VIII

QUẦN ĐẢO CÔN-LÔN VÀO TAY NGƯỜI PHÁP

1) Công việc chiếm cứ quần đảo Côn-Lôn.

Ngày 28 tháng 11 năm 1861 Thủy sư đề đốc Bonard hạ lịnh cho thông báo hạm Norzagaray chiếm quần đảo

Côn-Lôn để thực hiện sớm chừng nào hay chừng ấy ý-định của Hoàng-Đế Nã-Phá-Luân đệ tam (Napléon III).

Dưới sự chỉ huy của trung-úy Hải-quân Lespès, toán quân của thông báo hạm Norzagaray chiếm cứ quần-đảo Côn-Lôn một cách dễ dàng và lần đầu tiên quốc-kỳ Pháp được thượng lên tại Côn-đảo (Grande Condore) với tờ vi bằng như sau :

« Ngày này, thứ năm 28 tháng 11 năm 1861, hồi 10
« giờ sáng.

« Tôi ký tên dưới đây, Lespès Sébastien Nicolas
« Joachim, trung-úy Hải quân cai quản chiến thuyền thuộc
« Hải quân Hoàng-gia tuân hành lệnh của Thống-Đốc
« tôi, tuyên bố chiếm hữu quần đảo Côn Lôn, nhân
« danh vua Nã-Phá-Luân Đệ III, Hoàng-đế toàn dân Pháp.

« Vì lẽ ấy, quốc kỳ Pháp được kéo lên trên Côn-
« đảo (La Grande Condore) kể từ ngày nay.

« Biên bản việc chiếm hữu này được lập lên trước mặt các võ quan thuộc thông báo hạm Norzagaray.

« Làm trên đất liền, trước Vũng Tây Nam (Vũng Đầm)
« tại đảo Côn nôn, ngày, tháng và năm nói trên.

ĐỒNG KÝ TÊN

L. DU TEIL Chuẩn-úy hạng nhì — Trung-úy MANEN — Trung-úy LESPÈS

2) Tình hình Côn-Đảo (La Grande Condore) khi người Pháp đến.

Khi chiếc thông báo hạm nói trên đến Côn nôn thì tại đây chỉ có 129 phạm nhân bị Triều-đình Huế kết án đưa ra đây và cho giam giữ trong một cái đồn. Ban ngày họ được phép ra ngoài giúp đỡ mấy người nông phu tại

đảo để kiếm lấy miếng ăn. Tối lại họ bị nhốt vào khám và bị cùm chân (être mis aux fers).

Phần nhiều phạm nhân ấy được đem vợ con theo. Vợ con của họ ở trong những căn nhà nhỏ gần đồn nói trên.

Toán quan quân người Việt giữ đồn lúc đó gồm 81 người, chia làm hai hạng : quân tù và lính bầu, đặt dưới quyền cai quản của một vị quan văn gọi là Quan Chánh. Vị quan này lại tùng quyền quan đầu tỉnh Bình-Long (tỉnh Hà-Tiên bây giờ).

Sau khi người Pháp chiếm đảo thì các quân tù và lính bầu được đưa về giao trả cho nhà cầm quyền Việt Nam tại Hà Tiên. Các hương chức, lý dịch và dân chúng làng An Hải thì phải ra quy thuận.

Ngày 15 tháng 12 năm 1861 Đại Úy Durand cai quản thông báo hạm Monge có hội kiến với Quan Chánh người Việt để bàn một cách dứt khoát việc chiếm hữu quần đảo Côn Lôn của người Pháp.

Trong khi hai bên đang thảo luận thì một số « lính bầu » hiệp với các phạm nhân nổi lên chống quân Pháp để giải phóng Côn đảo. Cuộc nổi loạn này do tên Nguyệt một phạm nhân sanh trưởng tại Chợ quán (Cholon) chỉ huy — Vì có kẻ tố cáo, nên tên Nguyệt bị bắt và bị nhà cầm quyền Pháp lên án xử giảo (thắt cổ). Tên Nguyệt bị dẫn ra hành hình ngay tại Côn đảo.

3) Người Anh phản đối người Pháp về việc chiếm quần đảo Côn Lôn.

Hay tin thông báo hạm Norzagaray thừa lệnh Thủy sư Đề đốc Bonard ra chiếm quần đảo Côn Lôn, Chính phủ Anh tại Luân Đôn phản đối việc ấy, viện lẽ rằng : « Theo « lẽ nước Pháp không có quyền gì trên quần đảo Côn

« Lôn. Tờ Hòa Ước 1787 ký tại Versailles với vua Gia « Long (lúc ấy còn là chúa Nguyễn Ánh) đã lỗi thời, thất « hiệu, vì lẽ cuộc đại cách mạng Pháp (1789) đã đổi hẳn « chính thể của nước Pháp »

4) Tờ Hòa Ước 1862 và vấn đề Côn đảo.

Lời phản đối nói trên của Chánh Phủ Anh bất thành vấn đề là vì ngày 5 tháng 6 năm 1862 (ngày 9 tháng 5 năm Nhân Tuất) triều đình Huế do hai Ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đại diện đã ký với nước Pháp do Thiếu Tướng Hải Quân Bornard đại diện và nước Tây Ban Nha một Hòa-ước gồm 14 khoản trong đó khoản II có nói :

« Nước Nam phải nhường cho nước Pháp 3 tỉnh « Biên Hòa, Gia Định và tỉnh Định Tường và phải để « cho chiến thuyền của Pháp được ra vào tự do ở sông « Mékông ».

Khoản II nói trên, không nói gì đến quần đảo Côn Lôn. Lẽ tất nhiên là các chiến thuyền Pháp muốn ra vào tự do ở sông Mékông phải đi qua Côn đảo mà quần đảo Côn Lôn đã bị quân Pháp chiếm trước ngày ký kết Hòa ước nói trên. Trước ngày ấy đại úy Hải Quân Pháp là Durand đã thỏa thuận với Quan Chánh người Việt đại diện Triều đình Huế và cai trị tại quần đảo, để giải quyết dứt khoát sự chiếm hữu toàn thể quần đảo trước đó của hải quân Pháp. Như vậy trong Hòa ước 5-6-1862 vấn đề quần đảo Côn Lôn không được đề cập đến là vì việc ấy đã được coi như giải quyết xong và Triều-đình Huế đã bị đặt trước sự đã rồi.

5) Sự đặt ngục thất lại Côn-đảo.

Sau khi quần đảo Côn Lôn đã hoàn toàn thuộc Pháp, Thiếu tướng Bonard kiêm chức Thống đốc ba tỉnh miền đông thuộc Pháp bèn hạ lệnh cho lập ngay tại Côn đảo một

ngục thất để giam những người bị án khổ sai từ 1 đến 10 năm. Những thường dân người Việt và người Miên đền được đưa về đất và các tài sản của họ như : ruộng đất, nhà cửa, trâu bò đều được nhà cầm quyền Pháp tại Côn đảo mua lại.

Kể từ ngày ấy quần đảo Côn Lôn được coi là hoàn toàn thuộc Pháp. Các viên chức người Pháp làm việc tại đó đều được thuộc ngạch viên chức chánh quốc Pháp.

Vị giám-đốc quần đảo và ngục thất Côn đảo đầu tiên là Trung Úy Hải quân Pháp tên là Félix Roussel.

Nhận thấy ở Côn Đảo không có mặt một người đàn bà nào và sự thiếu mặt của phái yếu là một khuyết điểm trong vấn đề sinh lý của các phạm nhân, ông bèn phúc trình nói rất nhiều về vấn đề này cho Thiếu tướng Thống đốc Bonard. Đề nghị của ông không được chánh phủ Saigon chấp thuận và có lẽ lý do từ chối là như sau : « Hai con gà trống sống chung với nhau rất là hòa thuận. Thoạt có con gà mái ở đâu đến thì trận giặc nổi lên ngay giữa hai bên. Lại nữa, các giám ngục trông coi nữ phạm nhân phải là bộ nắp hết thì mới được ! »

Một ít lâu sau, trung-úy Félix Roussel về Pháp nghỉ. Vị giám đốc Côn đảo lên thay thế ông bèn nhắc lại lời đề nghị trên và được Thống-đốc ba tỉnh phía đông là Đề đốc La Font chấp thuận. Kể từ ngày đó ngục thất Côn đảo, ngoài số nam phạm nhân ra, lại còn có một số khá đông nữ phạm nhân. Các nữ phạm nhân này phần nhiều đều can án ăn trộm, làm giấy bạc giả hoặc là đảng viên của Thiên Địa Hội, một hội kín đáng sợ, hay là những « mẹ mìn » chuyên bắt cóc trẻ con để bán cho giặc Tàu Ô.

Năm 1910, chế độ ngục thất hỗn hợp chung cho nam lẫn nữ phạm nhân vẫn còn tồn tại. Ở Côn đảo

thời bấy giờ những nam nữ phạm nhân, một khi đã mãn án, được ra ngoài lập gia-đình và làm ăn, có nhà cửa tại đảo.

Nhưng ngoài cái lợi ra, cái hại của chế độ ấy không phải là nhỏ. Từ khi có mặt nữ phạm nhân tại đảo, những án mạng vì tình xảy ra luôn. Vì lẽ ấy mà mấy chục năm về sau, nhà cầm quyền Pháp tại Côn Nôn nhất định không nhận nữ phạm nhân nữa. Số nữ phạm nhân có mặt tại đảo đều được đưa về Saigon và được giam trong những khám riêng biệt.

Từ năm 1862 đến ngày 9-3-1945, bắt đầu từ trung-úy Félix Roussel ở Côn đảo, có đến 35 vị giám đốc kế tiếp nhau, trong số đó có:

— 13 vị thuộc ngạch sĩ quan Hải Quân Pháp (từ trung úy trở lên.)

— 15 vị thuộc ngạch Chánh Tham Biện (Administrateurs des Colonies) vì quần đảo Côn Lôn được coi như một quận (Arrondissement) của chánh quốc Pháp

— 1 vị luật-khoa cử-nhân.

— 6 vị thuộc ngạch sĩ quan lục quân Pháp (từ trung úy trở lên).

Đến ngày 9-3-1945 Vị Giám-Đốc quần đảo Côn-Lôn và khám đường Côn đảo là Thiếu-Tá Teyssère. Trong thời gian này, vị giám-lại ngục Côn đảo hay là « ông xếp chánh » là Hilaire.

Qui chế của ngục thất Côn đảo được ấn định rõ rệt do nghị-định ngày 8-7-1871. Nghị định ấy được sửa đổi và bổ túc do Nghị-Định 31-1-1873 về phương diện tổ chức nội bộ.

Qui chế hiện hành cho đến ngày 9-3-1945 là do nghị định 11-2-1889 ấn định.

6) Những việc quan trọng đã xảy ra ở Côn-đảo. (La Grande Condore).—

a) Quần đảo Côn-Lôn đã chính thức được coi như một quận của nước Pháp.

Ngày 16-5-1882 Chính-phủ Pháp ở Ba lê (Paris) có ra một nghị định chính thức liệt quần đảo Côn Lôn vào hàng các quận (arrondissement) của nước Pháp trên lục địa.

Vị giám-đốc được gọi là (Directeur des Iles et du Pénitencier de Poulo Condoer).

b) Nhà Nhạc sĩ trứ danh Camille Saint Saens đã đến viếng đảo.

Trong tuần tháng tư năm 1895 nhà nhạc sĩ trứ danh Pháp, có chân trong Hàn-Lâm-Viện ở Balê, là Camille Saint Saens có đến viếng Côn đảo và ở lại đây một tháng để thưởng thức phong cảnh. Câu chuyện đã xảy ra như sau :

Ông Louis Jacquet, một nhân viên Pháp làm việc tại đảo, nhân dịp nghỉ phép bên Pháp, đã hân hạnh quen biết nhà nhạc sĩ trứ danh nói trên, và có mời vị này qua viếng đảo để thưởng thức phong cảnh.

Trong lúc đó, nhạc sĩ nói trên được viên Toàn quyền Đông Dương thời ấy là Armand Rousseau mời sang viếng Đông Dương. Vì cớ ấy mà nhân dịp sang viếng Đông Dương nhà nhạc sĩ nói trên ghé lại Côn đảo.

c) Một nhà phiêu lưu Anh đi thuyền buồm con đến Côn đảo.

Vào năm 1937 một người Anh trẻ tuổi đi trên chiếc thuyền buồm con từ Singapour đến Côn đảo. Du khách trẻ tuổi này rất thích phong cảnh đảo và ở lại đấy đến mấy tháng. Vừa mến cảnh, lại vừa mến người,

du-khách nói trên bèn xin kết hôn với vị tiểu thơ người Pháp ái nữ của vị Giám Đốc Côn đảo Bouvier.

d) Những việc không đẹp đã xảy ra từ 1861 đến năm 1945.

Như trên đã nói năm 1861 một số phạm nhân và lính bầu hiệp nhau nổi loạn để đánh bật người Pháp ra khỏi quần đảo. Công việc bại lộ, số người ấy bị đàn áp và phạm nhân Nguyệt người chủ mưu bị hành quyết tại đảo.

Năm 1906 các phạm nhân Sở lưới Côn-đảo (Service de la Pêcherie) nổi loạn và bắt ba người xếp Tây cai ngục người Pháp vứt xuống biển và đoạt thuyền về đất liền.

Sau đó một ít lâu, một viên giám lại ngục (ông xếp chánh) người Pháp và vài nhân viên tùy thuộc bị phạm nhân hạ sát.

Năm 1919 Vị giám-đốc Côn đảo là Trung Úy Audouard bị tên bồi lấy cây súng của ông để trên bàn bắn chết ông.

Trước năm 1944, có vụ phạm nhân Sở muối hè nhau xúm lại bắt trói một thầy chú và khiêng về Côn Lôn để phản đối việc lạm quyền quá mức của vị giám thị ấy trước « ông xếp chánh. »

e) Phó thủy sư đề đốc Terraux đã tạm dùng Côn đảo làm quân cảng.

Tháng 5 năm 1941, đạo chiến thuyền Pháp do Phó Thủy Sư đề-đốc Terraux (Contre Amiral) chỉ huy, đã từ vũng Cam Ranh đến vũng Côn Lôn để chuẩn bị một cuộc thủy chiến. Các cuộc chuẩn bị xong, đạo chiến thuyền nói trên bèn vào vịnh Xiêm-La và trong buổi sáng tinh sương đã tiêu hủy hạm đội Thái - Lan đương đậu tại vũng Koh Chang.

Hạm đội Pháp gồm có các chiến thuyền như sau : La Motte Piquet Dumont Durvitte, Amiral Charner, La Marne và Tahure.

f) Người Nhựt đến Côn đảo lần thứ nhất.

Năm 1942 một đám quân Nhật đến đóng tại Côn đảo và di lại một cách kín đáo, không ai để ý đến họ.

Về bên nhà cầm quyền Pháp tại đảo thì không có việc gì xảy ra. Trung đoàn lục-quân thuộc-địa Pháp vẫn đóng trong thành (caserne) như trước.

Nhưng sau đó thì người Nhật lại xen vào việc chánh trị tại đảo. Thấy thế, vị giám-đốc Côn đảo là thiếu tá Tysseyre bèn phản kháng với Bộ Tham-mưu và Tòa Đặc Sứ Nhật tại Saigon, nhưng vô hiệu.

Đến cuối năm 1943, toán quân Nhật ấy lại bỏ đảo mà đi, không rõ vì cớ gì,

g) Người Nhật lại đến Côn đảo lần thứ hai.— Ngày 27 tháng chạp năm Giáp Thân, nhằm ngày 6 tháng 2 năm 1945 một toán lính Nhật độ 20 người, trời vừa hừng sáng, độ 6 giờ, đổ bộ lên đảo Côn Nôn và chiếm ngay sở Vô tuyến điện trong khi viên giám-đốc sở này, một kỹ sư người Pháp còn tại tư gia chưa đến sở.

Chiếm xong sở nói trên, toán lính Nhật bèn đi đến viên công chức này và cùng đi với viên ấy đến tư dinh Thiếu Tá Tysseyre giám đốc quần đảo, và bắt buộc viên này phải giao sở Vô tuyến điện cho họ.

PHẦN THỨ IX

QUÂN LÍNH NHẬT ĐẢO CHÁNH TẠI CÔN ĐẢO

Ngày 9 tháng 3 năm 1945 lối 6 giờ sáng hai chiếc chiến hạm cỡ nhỏ sơn màu đen, không kéo quốc kỳ

nên không biết là của nước nào, đến đậu tại vũng Côn Nôn nhưng quân lính vẫn ở dưới thuyền. Thỉnh thoảng họ khuân vác lên bờ nhiều thùng bằng gỗ. Nhà cầm quyền Pháp tại Côn đảo đinh ninh rằng : họ đến để đặt máy radar tại đảo và không để ý đến họ.

Tối đến, thừa lúc các đèn điện trong thành phố Côn Nôn đều tắt, (trừ một vài nơi như cửa tiền dinh viên Giám-Đốc và cửa tiền của thành sơn đá Côn đảo (caserne)) và trời tối đen như mực, họ bèn đi cửa sau xông vào tư dinh viên giám-đốc Côn đảo, dùng võ lực ép viên này phải giao quần đảo cho họ, viện cớ là vào giờ này ở trong đất liền, nhà cầm quyền Đông - Pháp đã giao xứ này cho quân đội Nhật rồi. Đoạn, họ để lại một số người canh giữ viên giám-đốc nói trên không cho đi đâu cả, và cũng không cho xử dụng máy điện thoại để hạ lệnh này nọ và lo việc chiếm thành săn đá.

Đúng 9 giờ, các thư ký và bồi bếp phạm nhân đều vào Banh I ngủ hết và trên các lộ trong thành phố không có một bóng người. Thừa cơ hội ấy viên chỉ huy toán quân Nhật nói trên bèn hạ lệnh cho bốn tên quân đi với một tên đội xông vào cửa tiền thành săn đá nói trên và hạ lệnh cho phần lớn quân sĩ trèo tường vào thành này ở phía sau. Theo lời những người biết rõ câu chuyện thuật lại thì dưới sự chỉ huy của tên đội, bốn tên quân Nhật bò sát lại gần cửa tiền bắn một phát súng hạ sát tên lính Miên đứng gác cửa và tràn vào trong. Một viên chuẩn-úy Pháp cầm gươm xông ra liền bị chúng hạ sát. Chúng ập vào phòng để súng ống và chiếm giữ nơi ấy. Lúc này ở phía sau mấy chục tên quân Nhật trèo tường vào thành la hét vang trời. Mấy trăm quân lính Pháp và Miên lúc ấy đang ngon giấc đều hồn phi phách tán, trở tay không kịp, đều dơ tay xin đầu hàng hết, trừ phi một vài người trốn được ra khỏi thành, vào rừng ẩn nấp và

mấy hôm sau cũng lại ra đầu thú khi hay tin rằng : các quân - sĩ võ-quan Pháp trưa ngày 9-3-1945 đều được đưa về Saigon và giam giữ có nơi. Quả thật, trưa ngày 10-3-1945 hồi 13 giờ có hai chiếc chiến hạm Nhật ở Saigon ra rước đội quân Pháp Miên ấy về Saigon.

Viên giám lại ngục hay là ông xếp chánh và các nhân viên thuộc ngạch đề lao : như cai ngục người Pháp và giám thị người Việt đều được giữ lại để trông coi 6.000 phạm nhân. Quyền hành chính và công việc giữ trật tự và an ninh thì hoàn toàn về tay người Nhật. Tổng số quân Nhật có mặt tại đó độ 50 người đặt dưới quyền một viên thiếu úy Hải quân lục chiến. Người Nhật giao việc hành chánh cho viên tham tá người Việt là Lê Văn Trà.

Sau khi chiếm xong quần đảo Côn Lôn, người Nhật lo tổ chức cuộc phòng thủ tại đảo lại cho hoàn bị, phòng khi bất trắc. Một vài cái hầm núp khá rộng và rất kiên cố được xây cất bằng béton armé ngay trong huê viên của viên giám-đốc (hiện nay là viên thiếu úy Nhật) được dành làm nơi đặt máy vô tuyến điện.

Nhiều hầm núp nữa được xây cất trong huê viên ấy dành cho quân lính Nhật và nhiều hầm nữa được cất lên ở nhiều nơi dành cho các công chức các cơ sở trong Châu-Thành Côn Nôn và các phạm nhân được đặc-cách ra làm việc trong các cơ sở ấy. Cây đa to và cao trong huê - viên nói trên được biến thành chòi canh phòng-không để báo hiệu khi có máy bay địch đến. Sau ngày 9-3-1945 châu thành Côn-Nôn bị phi cơ địch (phi cơ Đồng Minh) oanh tạc hai lần. Trong các cuộc oanh tạc ấy, biệt thự của viên Giám Đốc và sở tuyến điện bị bắn thủng nóc và hại chút ít. Chiếc tàu máy của đảo (Le chalutier) bị một trái bom rớt xuống biển và nổ gần đấy làm cho giàn máy hư hại nhiều.

Hai quả bom khác rơi xuống biển và nổ gần Banh III làm rung động cả Côn-đảo. Trước ngày ấy thì Hải đăng và Vô tuyến điện trên hòn Bảy Cạnh bị bom Đồng Minh làm hư hại nhiều và không còn dùng được.

Đề phòng ngừa một cuộc đổ bộ của Đồng Minh hoặc tại bãi Ông Câu phía sau núi, hoặc tại bãi Côn-nôn, nhà cầm quyền Nhật cấp tốc cho xây pháo đài bí mật trên đỉnh núi Chúa và đặt ở nơi ấy nhiều trọng pháo.

Sau ngày 9-3-1945 hai miền Trung-Việt và Bắc Việt đã được giao trả lại cho chính-phủ Việt Nam lúc đó là chính-phủ Trần trọng Kim. Chỉ còn Nam Việt thì bị đặt dưới quyền cai trị của thống-đốc Nhựt là Minoda.

Ngày 25 tháng 7 năm 1945 nhà cầm quyền Nhật ở Côn-Đảo cho phép các phạm-nhân tổ chức một buổi lễ long trọng tại sân vận động Côn-nôn mệnh danh là Lễ Độc-Lập để ăn mừng sự giao trả nền độc lập lại cho chính-phủ Việt Nam.

Trước mặt gần 6000 tù chính-trị phạm lẫn thường-phạm, viên Tham tá Lê-Văn-Trà thay mặt nhà cầm quyền Nhựt lên diễn đàn đọc đạo Dụ của Chính-Phủ Nam Triều ân xá tất cả 1800 Chính-trị phạm không phân biệt tả khuynh hay hữu khuynh. Ông nói : « Các chính trị phạm kể từ ngày nay được chính-phủ Việt-Nam trả lại quyền tự do và được coi như mọi người dân khác trong nước. Trái lại, những thường phạm thì không được hưởng ân huệ này, vì bất cứ dưới chính thể nào, thường phạm vẫn là người có tội ».

Sau buổi lễ ấy, tham-tá Lê-Văn-Trà được chánh thức giữ chức giám-đốc quần đảo và đề lao Côn nôn.

Vị giám lại-ngục Hilaire, các lại ngục người Pháp hoặc người Ấn có Pháp tịch đều nghỉ việc, ở riêng một khu và chờ ngày đưa về Saigon.

Vì có những việc trả thù, trả oán giữa các phạm nhân với lại-ngục người Pháp và người Ấn có Pháp tịch-đoàn thể các lại ngục nhất tề xin nhà cầm quyền Nhựt sớm cho họ về Saigon, mau chừng nào hay chừng ấy. Vài tuần sau họ được đưa về Saigon, ngoại trừ một ít phạm nhân người Pháp coi Sở Lưới và một vài lại ngục người Việt có Pháp tịch còn ở lại mà thôi.

Ngày 6 tháng 8 năm 1945, hai thành phố Nhật là IROSHIMA và NAGASAKI bị hai trái bom nguyên tử, thiêu hủy số người chết ở hai nơi lên đến 200.000 người. Thấy thế Nhật Hoàng bèn xin đầu hàng vô điều kiện.

Vì lẽ đó mà quân Nhật đang trấn đóng ở Côn đảo bỗng nhiên có lịnh triệt thoái. Đêm 24 tháng 8 năm 1945 nhằm ngày 17 tháng 7 âm lịch, hồi 11 giờ khuya toán quân Nhật nói trên xuống hai chiến hạm cỡ nhỏ về Saigon và đồng thời cho hồi hương 124 chính trị phạm đại diện tất cả các phái chính trị tại Côn đảo.

Hai chiếc chiến hạm này chiều ngày 25 tháng 8 năm 1945 hồi 15 giờ mới cập bến Saigon.

Sau ngày đó, tại Côn đảo quyền hành chánh và cai quản các đề lao hoàn toàn về tay người Việt-Nam. Ngoài viên tham tá Lê-văn-Trà, giám-đốc quần đảo và các đề lao Côn-Nôn ra, tất cả các thơ ký người Việt đều thay thế các lại ngục người Pháp và làm chủ các sở, các đề lao.

Để thay thế toán quân Nhật đã rút lui, mười tám người lính khố xanh đã được nhà cầm quyền Saigon gởi ra hành sự tại đảo. Làm đầu toán lính khố xanh này là viên hạ sĩ quan tên là Bảo.

PHẦN THỨ X

CUỘC ĐẢO CHÁNH LẦN THỨ HAI Ở CÔN ĐẢO

Sau khi quân đội Nhật rời khỏi Côn đảo, thì các

thường phạm lẫn chánh trị phạm liền biểu tình đòi lĩnh súng của một ít người lại ngục có Pháp tịch còn ở tại đảo và của các thầy chú Việt-Nam (Giám thị) để chống lại mọi cuộc đổ bộ lên đảo. Thế cô, nhà cầm quyền Côn đảo lúc ấy đành phải làm theo ý muốn của họ. Sau khi đã có võ khí trong tay, họ bèn làm chủ toàn đảo.

Đây là thời kỳ biểu tình liên tiếp, yến tiệc triền miên ! Hầu hết các thực phẩm dự trữ ở các kho đều đem ra xử dụng hết.

Trung tuần tháng 9 năm 1945 một phái đoàn Việt-Minh tới Côn đảo với 30 chiếc thuyền gỗ to (theo lời người ta nói lại có tất cả 40 chiếc thuyền được chánh quyền trong đất phái ra để rước 1600 chính trị phạm về. Trong số ấy có đến 10 chiếc bị bạt phong không ra đến đảo. Nhiều chiếc tấp vào duyên hải Thái Lan). Phái đoàn được tiếp rước hết sức long trọng. Cuối tháng chín năm 1945 tất cả 1600 chính trị phạm đồng xuống mấy mươi chiếc thuyền nói trên về đất. Thường phạm thì được nhà cầm quyền cấp cho đinh và ván gỗ để tự đóng lấy thuyền về đất.

Đại-diện chính phủ Việt-Minh tại đảo là Văn-Cư. Văn-Cư cho rằng : « Cách tổ chức các cơ quan hành chính tại đảo không đúng với tinh thần dân chủ ». Vì thế mà vị giám-đốc quần đảo là Lê-Văn-Trà phải triệu tập tất cả phạm nhân còn lại tại đảo để bầu một Ủy-Ban Hành-Chánh. Sau cuộc bầu cử này vị Lương-Y Nguyễn-Văn-Quảng đắc cử chủ tịch và Văn-Cư, đắc cử phó-chủ-tịch. Sau đó Văn-Cư bèn tìm cách thay thế chủ tịch Nguyễn-Văn-Quảng và lần lần nắm tất cả quyền hành trong tay.

Một biến cố nữa đã xảy ra. Các chính trị phạm về đất, đã dụng ý mang theo tất cả súng ống Thấy vậy các thường phạm đều phản đối kịch liệt. Ủy-Ban Hành-Chánh Côn đảo không sao điều đình với họ được và bị

họ ép buộc phải phóng thích tất cả thường phạm và lần lần giao quyền cho họ.

Tháng 10 năm 1945 một tàu chiến Pháp đi gần Côn-đảo có bắn vào mấy phát đại bác. Các phạm nhân và viên chức tại đảo sợ cuống lên và xuýt đem hạ sát một ít người lại ngục có Pháp tịch và gia đình họ và một vài người lính thủy Pháp (cựu phạm nhân Pháp) còn tại đảo. Sau vụ bắn thị oai này, các viên chức nói trên đều bị giam giữ tại Banh III và bị bỏ rơi ! Với tư cách là đại diện cho chính phủ Việt Minh tại Côn-đảo, Văn-Cư thường đi lại giữa Saigon và Côn Nôn trên chiếc cù lạp máy hiệu Alix II và nhờ thế mà y biết rõ tình hình trong đất hơn mọi người. Cuối tháng 12 năm 1945 Văn-Cư ra lệnh đốt hồ sơ của tất cả phạm nhân tại đảo giữa tiếng hò reo và nhảy nhót tưng bừng của tất cả mọi người.

Sau khi nghỉ phận sự, viên Giám-đốc Côn-đảo là tham-tá Lê-văn-Trà đáp thuyền về đất và bị nhà cầm quyền V.M. tại Bạc Liêu và Sóc Trăng giam tại Cà Mau (tháng 1 năm 1946) sau khi đã tịch thu tất cả đồ đạc và áo quần của viên ấy.

Trước khi về đất, tham-tá Lê-văn-Trà bị bắt buộc phải tổ chức một cuộc bầu cử dưới sự kiểm soát của Văn-Cư, ỦY BAN đắc cử mệnh danh là : « ỦY BAN NHÂN DÂN CÔN ĐẢO » đặt dưới quyền điều khiển của Chủ-tịch Trương-văn-Thoại, một tướng cướp khét tiếng ở Saigon mười mấy năm về trước dưới danh hiệu là Sơn Vương.

PHAN THỨ XI

CUỘC ĐẢO CHÍNH LẦN THỨ BA TẠI CÔN ĐẢO — SƠN VƯƠNG CHẤP CHÍNH

Lúc này ở Côn đảo chính trị phạm không còn một ai. Ủy Ban nhân dân hành chính Côn đảo gồm

toàn những thường phạm tay chân của Trương văn Thoại. Văn Cư với một ít đồng chí không thể chống lại, đành thúc thủ. Lúc ấy, Ủy ban nhân dân hành chính Côn-đảo kể luôn cả Văn-Cư không hơn gì các thường phạm khác vì không có một khẩu súng trong tay. Biết rõ cờ đã đến tay, Trương Văn Thoại bèn mạnh tay phất. Để che miệng thế gian, Trương Văn Thoại bèn tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý. Kết quả : hầu hết những người có mặt tại đảo : thường phạm và hơn 600 lưu (relégués) đều bằng lòng cho Trương-văn-Thoại lên nắm chính quyền tại đảo. Trương-văn-Thoại với tư cách là Chúa quần đảo Côn lôn, xưng hiệu là Sơn Vương !

Một lần nữa, các thực phẩm giữ ở các kho đều được đem ra làm yến tiệc.

Với tư cách là chúa đảo, Sơn Vương nhiều khi đăng đàn hiểu dụ dân chúng.

Quân sư của Sơn Vương thời buổi ấy là thầy bói Nguyễn-kim-Cúc, (Nguyễn-thành-Út) một thường phạm bị đày ra Côn Đảo trước ngày ấy.

Được một ít hôm, Sơn Vương định thành hôn với một cô con gái, ái nữ của một ông Vệ Úy người Việt còn ở lại đảo. Lễ cưới này được tổ chức hết sức linh đình. Thấy thế, một thường phạm đứng lên phản đối các cuộc xa hoa phung phí ấy và bị Sơn-Vương hạ lệnh giết ngay !

Kể từ đó Sơn-Vương hành động như một vị Chúa đảo và tự mình viết ra mấy bài để kích thích dân chúng và hỏi tội chính sách thực dân của người Pháp tại Việt-Nam trong 80 năm qua.

Những ý quá khích của Sơn-Vương chỉ có trong lời nói. Việc làm thì chưa có gì, là vì tình thế dồn dập tới mãi không để cho y đủ thì giờ thi thố một điều gì.

Theo sự nhìn nhận của nhà cầm quyền Côn đảo Pháp sau này (năm 1917) đối với các lại ngục và một ít số người Pháp còn lại tại đảo, Sơn-Vương tỏ ra có nhân đạo hơn Việt-Minh nhiều. Có lẽ Sơn-Vương đã ngó xa và tự biết địa vị của mình rất bấp bênh và nguy hiểm cho nên y đã sớm có thái độ ôn hòa.

Được tin nước Pháp và Đồng Minh thắng Trục khắp mọi nơi và không bao lâu nữa người Pháp sẽ trở lại đảo vì họ đã trở lại Saigon, Sơn-Vương nghĩ kế rút lui. Y bèn ra lịnh phóng thích các người Pháp hoặc có pháp tịch bị giam giữ mà trước đây bị coi như là tù binh.

Ngày 25-3-1946 trước mặt dân chúng Côn đảo, Sơn Vương đọc một bài diễn văn quan trọng và tỏ ý muốn nhường chính quyền cho các người Pháp còn lại ở đảo và tuyên bố đứng trung lập với bất cứ một chính phủ nào. Các người Pháp có mặt tại đảo từ khước việc nhượng quyền ấy và Sơn Vương bị bắt buộc tiếp tục nắm giữ chính quyền.

Để tránh sự hiểu lầm sau này, Sơn Vương hạ lệnh đổi hiệu Chính Phủ Côn đảo.

Trong thời kỳ Việt Minh nắm giữ chính quyền, quần đảo Côn Lôn lấy hiệu là « Quốc gia tự do nông dân huynh đệ, quần đảo Côn Lốn. »

(Etat libre agricole et fraternel de l'Archipel de Poulo Condore).

Sơn Vương dạy đổi lại như sau: « Quốc gia trung lập, dân chúng quần đảo An-ninh ».

(Etat neutre des insulaires de l'Archipel d'An-ninh)

Nhân danh chủ-tịch quốc gia Côn-đảo, Sơn Vương phái bốn sứ giả mang quốc thư gởi cho chính-phủ cộng-hòa Pháp trong đó có những đề nghị cầu hòa và

có lời yêu cầu Chính-Phủ Pháp gởi lương thực ra tiếp tế cho dân chúng Côn đảo.

Sơn Vương cũng không quên yêu cầu Chính-Phủ Pháp gởi cho y một bộ đồ dạ để mặc cho có thể thống với chức vụ của y, một cỗ xe đạp mới để đi tuần trong đảo và một khẩu súng lục để tự vệ.

Chắc chắn bức thư nói trên không đến tay nhà cầm quyền Pháp và bốn sứ giả cũng bặt vô âm tín.

Ngày 18 tháng 4 năm 1946 hai trung đoàn quân-đội Pháp đổ bộ lên đảo Côn nôn dưới sự yểm hộ của các trọng pháo các tàu chiến. Các trọng pháo này chực sẵn để khạc đạn vào Côn đảo nếu có một cuộc phản ứng gì.

Đến tại bến tàu Côn-đảo, hai trung đoàn nói trên trông thấy có một lá cờ tam tài, treo cao. Dưới lá cờ ấy Sơn Vương và tất cả nhân viên Chính-Phủ Côn Đảo đang chực sẵn để đón tiếp. Sơn Vương cho mang nước chè và rượu nếp ra thết các quan quân Pháp. Dân chúng đang ngóng nghe diễn-văn chào mừng của Chủ-tịch quốc gia Côn-đảo mà không có chi cả.

Việc làm đầu tiên của quân-đội Pháp là bắt các phạm nhân phải trở vào khám đường như trước.

Sơn-Vương vì trước kia can phải nhiều vụ ăn cướp ở Nam-Việt và đã bị tòa đại hình Saigon kêu án khổ sai hữu hạn (ít nhất là 20 năm hoặc 30 năm) nay vì can thêm tội hạ lệnh giết một phạm nhân trong dịp lễ cưới của y, nên y bị nhà binh Pháp chồng án lên khổ sai chung thân và bị cấm cố.

Đến đây tuồng hát ở Côn đảo đã hạ màn, và đời sống nơi ấy trở lại lặng lẽ và buồn thảm như trước.

Khi người Pháp trở lại Côn đảo thì nơi ấy chỉ còn 400 phạm nhân trong số 6000 phạm nhân năm 1945.

Năm 1947 số phạm nhân đã lên đến 1000 người và lần đầu tiên Hội Hồng thập-tự quốc-tế do đại diện của chính phủ Nam-kỳ quốc thuở nọ hướng dẫn đã đến viếng đảo và quan sát đời sống các phạm nhân.

Cũng trong năm 1947 một sĩ quan Pháp thuộc Sở-Phi-thoàn Các-lái bị bắt buộc hạ cánh xuống bãi Côn Nôn vì máy hư. Ở lại đảo được một thời gian viên sĩ quan ấy bèn xin kết hôn với một tiểu thơ con của viên lục sự cối-kê viên Côn đảo (Greffier Comptable).

Sau đó một thời gian, Cô Aina Ciderblom một nữ phóng viên báo chí ở Thụy-Điển có viếng đảo trên một chiếc cù lạp có gắn máy sau khi cô đã viếng qua thành phố Singapour và tiếp tục cuộc du lịch khảo cứu của cô.

PHẦN THỨ XII

SỰ GIAO TRẢ QUẦN ĐẢO CÔN-LÔN VỀ CHO CHÍNH-PHỦ QUỐC-GIA VIỆT-NAM VÀ SỰ ĐƯA QUẦN ĐẢO ẤY LÊN HÀNG CÁC TỈNH CỦA MIỀN NAM VIỆT - NAM

Sau khi Hiệp-định Genève được ký kết (ngày 20 tháng 7 năm 1954) tình hình chính trị ở Việt-Nam mỗi ngày mỗi thay đổi. Sau đó vài năm thì toàn thể quân đội Pháp rút ra khỏi địa phận Việt.Nam, và quần đảo Côn-Lôn lại trở về với Tổ-quốc Việt như trước.

Để chứng tỏ sự quan trọng của quần đảo này về phương diện chính trị, quân sự và kinh tế, Chính phủ Quốc-Gia Việt-Nam đã đưa quần đảo Côn-Lôn lên hàng các tỉnh của miền Nam thuộc quyền chính phủ quốc gia với danh từ : tỉnh Côn-Sơn.

PHẦN THỨ XII

KẾT LUẬN

Nói tóm lại giữa lúc người Việt-Nam không mấy để ý đến quần đảo Côn-Lôn, thì trái lại, trên hai trăm năm, hai đại cường quốc Âu-Châu là Anh và Pháp đã để ý một cách đặc biệt đến quần đảo này.

Anh quốc để ý đến quần đảo Côn-Lôn là vì cần phải bảo vệ sự phồn thịnh của Tân-Gia-Ba thuộc Anh bằng cách chiếm quần đảo này, để nó khỏi rơi vào tay một cường quốc khác như Pháp, chẳng hạn, và có thể trở nên một hải cảng cạnh tranh với Tân-Gia-Ba được.

Lại nữa, con đường Tân-Gia-Ba đi Hương-Cảng cần được bảo vệ bằng cách chiếm quần đảo Côn-Lôn và cản ngăn không cho một cường quốc nào làm trở ngại sự đi lại trên con đường ấy.

Các lý do vừa kể trên đều ở trong phạm vi một chính sách bành trướng và bảo vệ đế quốc Anh trên khắp các mặt biển, giữa lúc mà trên các lục địa Âu-Châu, các cường quốc tranh giành nhau từng tấc đất. Sự chiếm các đảo Malte, Chypre ở Địa-Trung-Hải đảo Cey-Lan (Tích-Lan) và nhiều đảo nhỏ ở Ấn-Độ-Dương và sau cùng Hương Cảng ở biển Trung Hoa đủ chứng minh cách liên tục và trường kỳ của chính sách ấy. Trong thời gian hằng mấy trăm năm, các Chính-Phủ kế tiếp nhau giữ chính quyền ở Anh đều đồng ý tiếp tục thi hành chương trình này. Vì lẽ đó mà trong hai thế kỷ vừa qua, thập bát và thập cửu thế kỷ và đầu thế kỷ thứ hai mươi, Anh Quốc đứng đầu trong số các đế quốc trên hoàn cầu. Khắp năm châu, không nơi nào mà không có thuộc địa, căn cứ, hải-cảng và thương điếm của Anh :

Về phần nước Pháp, nếu nước này đặc biệt để ý đến quần đảo Côn-Lôn là không ngoài ý định tìm những đất đai mới để bù lại sự mất về tay Anh quốc một vùng rất lớn ở Ấn - Độ, dưới chiêu bài là vùng ảnh hưởng của Đông-Ấn Công Ty Pháp. Việc xâm chiếm toàn cõi bán đảo Ấn-độ — China đã được để ý từ lâu và việc chiếm quần đảo Côn-Lôn thuộc về giai đoạn đầu của chương trình ấy.

Quần đảo Côn-Lôn một khi đã thuộc Pháp, sẽ là một đầu cầu cần thiết cho sự tấn công bán đảo nói trên sau này. Quan niệm ấy đã được thực hiện ngay khi đức cha Bá Đa Lộc đã dùng quần đảo Côn - Lôn làm nơi tập trung các lực lượng hải và lục quân để giúp chúa Nguyễn Ánh trên lục địa. Lại nữa, muốn làm chủ vĩnh viễn Nam Kỳ lục tỉnh và gián tiếp chi phối nền độc - lập của hai nước Lục Chân Lạp (Cambodge) và Ai Lao (Laos) thì Pháp trước phải chiếm quần đảo Côn-Lôn, pháo đài tiền tuyến của các xứ ấy.

Vì vậy trước khi cử binh vào chiếm ba tỉnh phía đông của Nam Kỳ Pháp đã chiếm trước quần đảo Côn-Lôn để thực hành ý định của Hoàng-đế Nã Phá Luân Đệ Tam (Napoléon III). Sự thực, đó là ý định của các triều vua trước kể từ Louis Thập lục trở về sau.

Sau khi Pháp đã chiếm quần đảo Côn-Lôn, Chánh Phủ Anh toan phản đối cho rằng việc ấy không đúng với công pháp quốc-tế là vì Hòa Ước Versailles 1787 đã không được đem ra thi hành ngay lúc đầu và như thế nó đã bị coi là lỗi thời rồi.

Nhưng sau khi Pháp chiếm ba tỉnh phía đông Nam Kỳ và ký với Triều Đình Huế Hòa Ước 5-6-1862 thì Anh không còn nghĩ đến chuyện phản kháng Pháp nữa. Dù sao Anh cũng đã để cho Pháp tự rửa mặt lấy với

Năm Châu thế giới sau khi đã thất bại nặng nề trong trận giặc 7 năm vừa qua.

Giữa Ấn-Độ, Miến Điện và Mã Lai thuộc Anh và bán đảo Ấn-Độ Chi-na, nước Xiêm đã được Anh-Pháp để yên để đóng vai nước hoãn xung (nước trái độn: Etat tampon).

Sự quan trọng của quần đảo Côn-Lôn một lần nữa đã được làm nổi bật lên là khi quân đội Nhật biến đảo Côn-nôn thành một quân cảng vừa cho Hải quân vừa cho Không quân Nhật trong những cuộc tấn công các nước miền Đông Nam Á.

Trong giai đoạn lịch sử khởi đầu từ cuộc đảo chính Nhật tại đảo ngày 9-3-1945 đến năm 1947 là ngày mà chính quyền Pháp được tái lập trên quần đảo, có lắm chuyện làm cho độc giả cười ra nước mắt. Không ai ngờ rằng ở một vùng rộng không quá 100 cây số vuông, đông không quá 2.000 dân mà đã có liên tiếp ba cuộc đảo chánh và một cuộc xưng vương!

Trong giai đoạn lịch sử này quần đảo Côn-Lôn quả đã có tính cách hoàn toàn tiểu thuyết! Mà thật thế. Những kép đóng vai trên sân khấu Côn Đảo thời ấy quả đã sống một đời sống mơ mộng và phiêu lưu từ lâu. Thất bại chua cay trên lục địa, họ bị đưa ra đây và cơ hội đã giúp họ thực hiện cái mộng đẹp của họ trong một thời gian mặc dầu là ngắn ngủi!

Rốt cuộc: những sự kiện lịch sử diễn ra trên quần đảo Côn-Lôn, tốt đẹp nên thơ cũng có mà bi đát đau thương cũng có, đã nhắc cho mọi người dân Việt nhớ rằng: quần đảo này rất quan trọng cho nước nhà về ba mặt: chính trị, quân sự và kinh tế, nhất là về phương diện đối ngoại.

Lại nữa, nó là một trong các địa điểm của non sông đất nước, được tẩm bằng máu, tô điểm bằng xương của ức vạn chiến sĩ ưu tú Việt!

Viết xong tại Saigon, ngày 3-5-1961

— CHUNG —

XIN ĐỘC GIẢ ĐẶC BIỆT LƯU Ý. —

Muốn hiểu rõ các khía cạnh của quần đảo Côn-Lôn về phương diện địa lý, địa chất học, thổ sản, lâm sản, thú cầm, sự tổ chức các cơ quan hành chánh, các nông trại, các ngục thất và đời sống các phạm nhân ra sao, xin độc giả đón xem quyển « Côn - Lôn Quần Đảo » (trước ngày 9-3-1945 cùng một tác giả sắp xuất-bản.

MỤC - LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 3

CÔN - LÔN SỬ' - LƯỢC

PHẦN THỨ NHẤT

Tổng - Quát 5

PHẦN THỨ HAI

Quần-đảo Côn-Lôn trước ngày tranh-chấp giữa hai Công-ty có mặt tại Ấn-Độ là : Đông-Ấn Công-ty thuộc Pháp và Đông-Ấn Công-ty thuộc Anh . . 6

PHẦN THỨ BA

Sự tranh-chấp về Quần-đảo Côn-Lôn giữa hai Công-ty thương-mại Anh và Pháp tại Ấn và sau này giữa hai nước Anh-Cát-Lợi và Pháp 10

PHẦN THỨ TƯ

Quần-đảo Côn-Lôn thuộc Việt-Nam . . . 15

PHẦN THỨ NĂM

Người Anh đến đảo Côn-Lôn lần thứ nhì . . 16

PHẦN THỨ SÁU

Đức Cha Bá-Đa-Lộc trở lại đảo Côn-Lôn . . 17

PHẦN THỨ BẢY

Người Anh lại đến đảo Côn-Lôn lần thứ ba . 18

PHẦN THỨ TÁM

Quần-đảo Côn-Lôn vào tay người Pháp . . 20

PHẦN THỨ CHÍN

Quân lính Nhật đảo-chánh tại Côn-Đảo . . 28

PHẦN THỨ MƯỜI

Cuộc đảo-chánh lần thứ hai tại Côn-Đảo . . 32

PHẦN THỨ MƯỜI MỘT

Cuộc đảo-chánh lần thứ ba tại Côn Đảo. Sơn-Vương chấp-chính 34

PHẦN THỨ MƯỜI HAI

Sự trao trả Quần-đảo Côn-Lôn về cho chính-phủ Quốc-Gia Việt-Nam và sự đưa Quần-đảo ấy lên hàng các tỉnh của miền Nam Việt-Nam 38

PHẦN THỨ MƯỜI BA

Kết-Luận 39

IN TẠI NHÀ IN VIỆT - LIÊN 193, GIA - LONG — SAIGON
ĐIỆN THOẠI 270 SAIGON

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những tài liệu trong Quyển « Côn lôn sử-lược » nầy đều trích ở các sách như sau :

Histoire d'Annam của ông Charles Maybon.

Việt-Nam - Sử-Lược của ông Trần-trọng-Kim.

Quyển Marco-Polo của ông Patrice Buet.

Và nhứt là quyển Poulo - Condore do nhà in T.F. E.O. tại Saigon xuất bản.

ĐÍNH - CHÁNH

Trang 31. Giòng 13, đã in là **25-7-1945.**
Xin sửa lại là **2-8-1945.**